

Số: /BC-STC
V/v báo cáo kết quả thực hiện
công tác CCHC Quý III/2022

Quảng Bình, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình

Căn cứ công văn số 371/SNV-CCHC ngày 03/3/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, Sở Tài chính báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính Quý III năm 2022 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành Cải cách hành chính (CCHC)

Lãnh đạo Sở đã tăng cường chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở thực hiện các nhiệm vụ CCHC, thường xuyên theo dõi tiến độ thực hiện Kế hoạch số 4868/KH-STC ngày 28/12/2021 về thực hiện công tác CCHC năm 2022 của Sở.

Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở đã nghiêm túc tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh, Sở về công tác CCHC, kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, trong quý III/2022, Sở đã ban hành các văn bản chỉ đạo, cụ thể: công văn số 2299/STC-VP ngày 30/6/2022 về thực hiện các nhiệm vụ nhằm nâng cao các chỉ số theo Kết luận số 2272/TB-VBUBND ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh; công văn số 2717/STC-VP ngày 01/8/2022 về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025”; công văn số 3002/STC-VP ngày 25/8/2022 về áp dụng chính thức quy trình điện tử liên thông theo Quyết định số 2972/QĐ-UBND; công văn số 3030/STC-VP ngày 26/8/2022 về chính thức áp dụng Kho quản lý dữ liệu điện tử TTHC và triển khai số hóa hồ sơ, kết quả TTHC; công văn số 3081/STC-VP ngày 30/8/2022 hướng dẫn triển khai Kho quản lý dữ liệu điện tử trên Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

Đến nay, các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra trong kế hoạch, Sở đã thực hiện và hoàn thành trên 80%.

2. Về công tác tuyên truyền CCHC

Để hoàn thành các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch số 18/KH-STC ngày 15/01/2022 về tuyên truyền CCHC năm 2022, Sở Tài chính đã nghiêm túc tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác CCHC. Hình thức tuyên truyền CCHC: thông qua các cuộc họp giao ban cốt cán, họp phòng, buổi sinh hoạt chi bộ... Cập nhật thường xuyên các TTHC mới

ban hành, các báo cáo thực hiện công tác CCHC, báo cáo về tình hình, kết quả giải quyết TTHC và công tác kiểm soát TTHC... trên trang thông tin điện tử của Sở nhằm phổ biến, tuyên truyền cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan được biết và thực hiện.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

a) Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL):

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Ban hành VBQPPL, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật. Quý III/2022, Sở đã tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành 04 VBQPPL (01 Nghị quyết, 03 Quyết định):

+ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của HĐND tỉnh về ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển Kinh tế-Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

+ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND tỉnh về ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

+ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Quy định về thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

+ Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về Quy định mức khoán chi phí quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Công tác tham mưu UBND tỉnh ban hành VBQPPL được Sở thực hiện đúng quy trình, quy định. Văn bản được ban hành đúng căn cứ pháp lý; đúng thẩm quyền; nội dung của các văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Nhằm đảm bảo cho pháp luật được thi hành nghiêm minh, thống nhất, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, bất cập, hạn chế trong việc thi hành pháp luật và kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, Cấp ủy Đảng, Lãnh đạo Sở luôn quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện theo đúng Kế hoạch số 369/KH-STC ngày 28/01/2022 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 của Sở và công văn hướng dẫn số 312/STP-XDKTVB ngày 18/02/2022

của Sở Tư pháp về triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022. Qua đó, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan được nâng lên.

c) Kết quả tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật:

Nhằm phổ biến các nội dung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật. Hàng tháng, Sở Tài chính đều ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện: công văn số 2411/STC-VP ngày 07/7/2022 về thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tháng 7/2022, công văn số 2658/STC-VP ngày 28/7/2022 về phổ biến các luật mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 3, công văn số 2796/STC-VP ngày 09/8/2022 về thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tháng 8/2022.

Thực hiện Kế hoạch số 1101/KH-UBND ngày 23/6/2022 của UBND tỉnh về tổ chức hưởng ứng “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” năm 2022, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 2428/STC-VP ngày 11/7/2022 về triển khai thực hiện “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” năm 2022. Phát động toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến và các nội dung khác do các Sở, ngành được UBND tỉnh giao nhiệm vụ phát động. Lồng ghép nội dung vào các buổi sinh hoạt để tuyên truyền, tìm hiểu pháp luật trong các lĩnh vực thuộc nhiệm vụ chuyên môn của phòng, đơn vị, tìm hiểu các văn bản pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Tổ chức các Hội nghị học tập, quán triệt triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị Quyết của Trung ương, của tỉnh và của Đảng ủy cấp trên cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực của Ngành cho đối tượng là đại biểu HĐND cấp huyện và cấp xã và kế toán, cán bộ ngành tài chính.

d) Kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL:

Sở đã tham mưu xử lý đối với 02/04 VBQPPL trên cơ sở kết quả rà soát VBQPPL trong năm 2020, 2021 trong lĩnh vực tài chính, ngân sách.

Việc triển khai các VBQPPL của Trung ương, UBND tỉnh ban hành trên các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành: Sở Tài chính nghiêm túc triển khai các VBQPPL của Trung ương, UBND tỉnh tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Về rà soát TTHC:

Sở đã chỉ đạo bộ phận một cửa, các phòng, đơn vị tiếp tục thực hiện rút ngắn tối thiểu 10% thời gian giải quyết TTHC so với thời hạn pháp luật quy định nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện giải quyết TTHC.

b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:

Quý III/2022, Sở Tài chính không ban hành mới, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi các TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở.

Hiện nay, Sở Tài chính có tổng số 43 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (cấp tỉnh là 24 thủ tục; cấp huyện là 19 thủ tục) được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Sở và đã được kết nối, tích hợp thành công trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh/Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Sở tiếp tục duy trì việc công khai các TTHC tại Bộ phận một cửa của cơ quan.

Việc niêm yết các TTHC được Sở thực hiện nghiêm túc: Công khai về trình tự, thời gian xử lý, lệ phí, thành phần hồ sơ, cơ sở pháp lý thực hiện TTHC... tạo thuận lợi cho tổ chức và công dân tìm hiểu, thực hiện thủ tục nhanh chóng.

Việc công khai địa chỉ, số điện thoại, hộp thư và kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức, công dân đối với TTHC tại cơ quan thực hiện đảm bảo đúng theo quy định.

c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, tất cả các TTHC đều được cấu hình lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh. Tất cả các hồ sơ TTHC giải quyết đều được cập nhật lên Hệ thống theo quy trình xây dựng.

Tính đến nay, tổng số TTHC của Sở được thực hiện liên thông là 17 thủ tục. Trong đó:

- + Số TTHC được thực hiện liên thông cùng cấp là 17 thủ tục.
- + Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền là 0 thủ tục.
- + Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính (*bao gồm cả hình thức dịch vụ công trực tuyến*) là 13 thủ tục.

Quý III/2022, theo kết quả tổng hợp trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, tỷ lệ hồ sơ TTHC của Sở được giải quyết đúng hạn là 100%; không có hồ sơ nào quá hạn giải quyết. Không có bất kỳ đơn thư khiếu nại, phản ánh kiến nghị về công tác CCHC, quy định về TTHC.

Để tiếp tục phát huy hiệu quả của Chức năng đánh giá giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công tỉnh. Sở thực hiện nghiêm túc việc thu thập Phiếu khảo sát trực tiếp/trực tuyến của tổ chức, cá nhân sau khi trả kết quả giải quyết TTHC và cập nhật lên Chức năng đánh giá giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công của tỉnh theo đúng quy định tại Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn, cơ cấu tổ chức; sắp xếp, kiện toàn các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Tổ chức, bộ máy Sở Tài chính thực hiện theo Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính Quảng Bình. Chức năng nhiệm vụ của các phòng, đơn vị được cụ thể hóa trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của Sở Tài chính theo Quyết định 83/QĐ-STC ngày 25/5/2022 của Giám đốc Sở Tài chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng, đơn vị thuộc Sở Tài chính Quảng Bình.

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính Quảng Bình, Sở Tài chính đã xây dựng trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ. Ngày 07/6/2022, UBND tỉnh đã có Quyết định số 1490/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công thuộc Sở Tài chính.

b) Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Để đảm bảo thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng tại nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII, Sở Tài chính luôn tích cực tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về lộ trình tinh giản biên chế và chính sách tinh giản biên chế đến toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để mọi cán bộ được hiểu rõ, thông suốt và đồng lòng thực hiện.

Thực hiện công văn số 236/SNV-XDCQ&TCBC ngày 14/2/2022 của Sở Nội vụ về thực hiện chủ trương giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN giai đoạn 2022–2025, Sở Tài chính đã xây dựng Đề án giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách giai đoạn 2022 -2025 của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở (Trung tâm Tin học và Dịch vụ tài chính công) báo cáo Sở Nội vụ để tổng hợp trình UBND tỉnh theo quy định tại Công văn số 822/CV-STC ngày 15/3/2022. Theo Đề án được xây dựng, đến năm 2025, Trung tâm sẽ giảm được 10% viên chức hưởng lương từ ngân sách so với năm 2021 (2 người), với lộ trình giảm 01 người năm 2022 và 01 người vào năm 2025.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Xây dựng, ban hành quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức: Sở tiếp tục duy trì thực hiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu công chức trong cơ quan đã được Sở Nội vụ thẩm định. Hiện tại, Sở tiếp tục nghiên cứu, rà soát, sửa đổi Đề án vị trí việc làm căn cứ theo Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính.

b) Tuyển dụng công chức, viên chức

Theo Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt kết quả thi tuyển, kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Quảng Bình năm 2021. Sở Tài chính đã thực hiện tiếp nhận và bố trí 01 công chức trúng tuyển vào làm việc tại Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp.

c) Điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác

Căn cứ các quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh, Quý III/2022, Sở đã hoàn thiện các quy trình, thủ tục hồ sơ cán bộ để bổ nhiệm lại 01 Phó phòng thuộc Sở.

d) Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

Sở tiếp tục quán triệt, chỉ đạo thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại cơ quan, đơn vị theo Chỉ thị số 01/2008/CT-UBND ngày 17/3/2008 của UBND tỉnh về nâng cao trách nhiệm và sử dụng có hiệu quả thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trên địa bàn tỉnh, Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 17/01/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật, xiết chặt kỷ cương hành chính trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang tỉnh.

đ) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Quý III/2022, Sở Tài chính cử 03 công chức tham gia lớp bồi dưỡng trung cấp lý luận chính trị, cử 04 công chức, viên chức tham gia lớp tập huấn số hóa hồ sơ giải quyết TTHC trên hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh, 02 công chức tham gia lớp bồi dưỡng “Cập nhật kiến thức và kỹ năng đối ngoại”, 06 công chức, viên chức tham gia lớp bồi dưỡng Đấu thầu cơ bản, 02 công chức tham gia lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý tài chính ngân sách, 02 công chức tham gia lớp tập huấn “Quản lý tài sản công cho các cơ quan hành chính và tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh”.

5. Cải cách tài chính công

Thực hiện các nội dung theo Kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh tại Thông báo số 2272/TBVPUBND ngày 22/6/2022, Sở đã ban hành công văn số 2514/STC-VP ngày 17/7/2022 giao phòng Tài chính hành chính sự nghiệp chủ trì tham mưu Lãnh đạo Sở xây dựng các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao chỉ số cải cách tài chính công của tỉnh trong năm 2022 đến tất cả các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương. Theo đó, Sở đã ban hành công văn số 2900/STC-VP ngày 18/8/2022 về triển khai các giải pháp cải thiện chỉ số cải cách tài chính công trong Bộ chỉ số CCHC (Par Index) tỉnh Quảng Bình năm 2022.

Sở chấp hành và thực hiện đúng quy định của Luật quản lý sử dụng tài sản công, Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh về phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản nhà nước, Nghị quyết số 56/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân

cấp thẩm quyền quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2018/NQ-HĐND; không có phát sinh sai phạm trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; công tác mua sắm tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng quy định, tiêu chuẩn, định mức và chế độ; thực hiện các biện pháp phù hợp, hiệu quả để tiết kiệm triệt để chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm và các chi phí khác.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện cải cách tài chính công, Sở Tài chính triển khai thực hiện quy chế dân chủ, công khai, minh bạch những quy định phải được công khai trong cơ quan, đơn vị.

Thực hiện Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Sở Tài chính thường xuyên thực hiện công khai dự toán thu-chi ngân sách nhà nước ngay từ đầu năm và công bố công khai bổ sung khi có bổ sung kinh phí ngân sách.

Thực hiện rà soát, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công của Sở Tài chính đúng theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Đến nay, Sở Tài chính có 13/24 thủ tục hành chính (TTHC) đang cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC của tỉnh/Cổng DVC quốc gia đạt tỷ lệ 100%.

Sở ban hành Quyết định số 123/QĐ-STC, ngày 28/6/2022 về kiện toàn và đổi tên Tổ triển khai xây dựng Chính quyền điện tử thành Tổ chỉ đạo Chuyển đổi số Sở Tài chính dựa trên Thông báo số 534/TB-VPUBND ngày 013/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về Kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh Trần Thắng tại phiên họp Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình Quý I/2022, đồng thời ban hành Quyết định số 138/QĐ-STC, ngày 07/7/2022 về quy chế hoạt động của Tổ Chỉ đạo Chuyển đổi số.

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường, nâng cao hiệu quả khai thác các phần mềm ứng dụng CNTT vào trong công việc, tăng cường sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh trong việc trao đổi tài liệu, văn bản trong nội bộ cơ quan và với các cơ quan, đơn vị bên ngoài; sử dụng chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp trong việc ký số văn bản để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng, nghiêm túc triển khai phần mềm “Theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND giao”.

Tiếp tục phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung công tác CCHC Quý III/2022 của Sở đã được các phòng và đơn vị thuộc Sở chủ động thực hiện theo đúng kế hoạch. Các TTHC được duy trì nghiêm yết theo đúng quy định; công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL và TTHC thuộc thẩm

quyền giải quyết của Sở được thực hiện nghiêm túc; công tác cải cách tài chính công được thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch; việc sử dụng ứng dụng CNTT phục vụ cho công việc ngày càng hiệu quả.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2022

1. Tiếp tục duy trì thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông của Sở.
2. Thực hiện có hiệu quả Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý tài chính công. Thực hiện tốt Nghị định của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.
3. Triển khai thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 1582/KH-UBND ngày 04/9/2020 về số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2020-2025 theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Bộ chỉ tiêu tổng hợp và Chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế-xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Quảng Bình; Kế hoạch số 1107/KH-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong TTHC theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai Nghị định số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và các văn bản pháp luật, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Văn phòng UBND tỉnh về công tác cải cách TTHC.
4. Tăng cường sử dụng thư điện tử công vụ trong quá trình trao đổi, giải quyết công việc; tích cực nâng cao tỷ lệ văn bản đi sử dụng chữ ký số; thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về công tác CCHC lên Trang thông tin điện tử của Sở.
5. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác xây dựng, thẩm định, rà soát hệ thống VBQPPL thuộc lĩnh vực Sở phụ trách.

(Kèm theo các Biểu mẫu).

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC Quý III/2022 và phương hướng, nhiệm vụ Quý IV/2022, Sở Tài chính báo cáo Sở Nội vụ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Trung tâm Tin học&DVTCC;
- Website Sở;
- Lưu: VT; VP.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Mạnh Cường

BIỂU MẪU 1
Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	5
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC (Quý III/2022)	%	
2.1.	Số nhiệm vụ trong Kế hoạch	Nhiệm vụ	10
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	100%
3.	Kiểm tra CCHC		
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	
3.3.2.	Số vấn đề đã xử lý xong	Vấn đề	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy		
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	
4.2.	Số cơ quan, đơn vị đã hoàn thành kết luận thanh tra	%	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao		
5.1.	Số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	
5.4.	Số nhiệm vụ đã quá hạn chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có=1; Không=0	1
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	4
6.2.	Hình thức khảo sát		Phát phiếu trực tiếp
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0

BIỂU MẪU 2
Cải cách thể chế

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành	Văn bản	4
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	4
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	
3.	Rà soát VBQPPL		
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	50%
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	4
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	2

BIỂU MẪU 3
Cải cách thủ tục hành chính

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Thống kê thủ tục hành chính (TTHC)		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	43
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>24</i>
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>19</i>
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>0</i>
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	17
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	13
3.	Kết quả giải quyết TTHC		
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>480</i>
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>480</i>
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	<i>0</i>
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	

BIỂU MẪU 4**Cải cách tổ chức bộ máy***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy		
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	1
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	1
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	<i>%</i>	
2.	Biên chế công chức		
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	51
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	48
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	3
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại đơn vị sự nghiệp công lập		
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	10
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	10
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	

BIỂU MẪU 5**Cải cách chế độ công vụ***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Vị trí việc làm công chức, viên chức		
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	1
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	
3.	Số lượng lãnh đạo, quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (từ đầu năm đến nay)		
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)		
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	

BIỂU MẪU 6**Cải cách tài chính công***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	1
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	1
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	

BIỂU MẪU 7

Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành=1	0
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100%
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành=2	1
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử		
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100%
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i>)	%	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100%
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh		
5.3.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100%
5.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến		
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến	%	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
	mức độ 3		
6.4.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.4.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.4.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	65%
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	20
6.5.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	13
6.5.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	1
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100%
6.6.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	13
6.6.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	13
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	85%
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	480
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	406
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	